

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 151/BQL-DA1 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của
Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị cấp
giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 141/
TTr-STNMT ngày 04 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông
địa chỉ: Tổ 4, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông được
thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Quảng trường trung tâm
thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tại tổ 1, phường Nghĩa Đức, thành phố
Gia Nghĩa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk
Nông.

1.2. Địa điểm thực hiện: Tổ 1 phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh
Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số
896/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc hợp nhất
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển
nông thôn và Ban Quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp để thành
lập Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông

1.4. Mã số thuế: 6400446664.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, văn hóa, vui chơi giải trí, dịch vụ thương mại.

1.6. Quy mô, diện tích của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích của dự án là 19,497 ha.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.



2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Từ ngày tháng 7 năm 2022 đến ngày tháng 7 năm 2032.)

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Quản lý các DA ĐTXD tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, VHHT&DL, XD;
- UBND thành phố Gia Nghĩa;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, TH, KT, NNTNMT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Yên



Phụ lục 1:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND
ngày 07 /7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt tại Khu vực I, II (Quảng trường trung tâm kết hợp trung tâm thương mại và khu vui chơi, dịch vụ) bao gồm: nước thải khu vực chế biến thực phẩm, phục vụ ăn uống và nước thải từ nhà vệ sinh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sau đập tràn tổ 1 phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Tại công xả nước thải ra hồ Hạ (sau đập tràn tổ 1, phường Nghĩa Đức thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 411441, Y=1327741 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $180^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $71,7 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $2,9875 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm qua đường ống UPVC D200 và xả ra công thoát nước chung của khu vực D1200 hiện hữu trên vách taluy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

Xả nước thải là liên tục (24 giờ/ngày, đêm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị đo | Giá trị giới hạn cho phép (theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A)) | Tần suất quan trắc |
|-----|------------------|-----------|--|-----------------------|
| 1 | pH | - | 5,5 - 9 | 3 tháng/lần |
| 2 | BOD ₅ | mg/l | 30 | |
| 3 | TSS | mg/l | 50 | |
| 4 | TDS | mg/l | 500 | |

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị đo | Giá trị giới hạn cho phép (theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A) | Tần suất quan trắc |
|-----|------------------------------------|-----------|---|-----------------------|
| 5 | NH ₄ ⁺ | mg/l | 5 | |
| 6 | NO ₃ ⁻ | mg/l | 30 | |
| 7 | PO ₄ ^{3-(a,b)} | mg/l | 6 | |
| 8 | S ²⁻ | mg/l | 1 | |
| 9 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 10 | |
| 10 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 5 | |
| 11 | Tổng Coliforms | MPN/100ml | 3.000 | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt tại khu vực I, II (Quảng trường trung tâm, trung tâm thương mại và khu vui chơi, dịch vụ) sẽ được thu gom bằng phương pháp tự chảy (vì cote cao độ của hệ thống xử lý nước thải thấp hơn so với các công trình thu gom nước thải) thông qua hệ thống đường cống UPVC D200 và hệ thống hố ga về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 100 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Với đặc trưng của nước thải sinh hoạt chứa chủ yếu là hợp chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học; thành phần bã thải lớn; thành phần dinh dưỡng N, P cao; các chất kìm hãm quá trình phát triển của vi sinh vật thấp. Dựa trên các yếu tố đó công nghệ được xây dựng tập trung vào các công đoạn xử lý chính đó là: Xử lý thiếu, hiếu khí bằng bùn hoạt tính và khử trùng.

Qua đó, quy trình công nghệ đưa ra dựa trên các quá trình cơ bản sau:

* Bể thu gom – T101

Nước thải phát sinh từ các hoạt động của dự án được thu gom dẫn vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi nước thải đi vào hệ thống xử lý, các cặn rác, tạp chất rắn có kích thước lớn hơn 5mm được tách ra khỏi nước thải bằng giỏ tách rác thô. Bể gom được sử dụng với mục đích thu gom, tiếp nhận lượng nước thải thô đầu nguồn về hệ thống xử lý.

Từ bể thu gom nước thải tiếp tục được bơm chìm bơm vào bể tách dầu mỡ.

* Bể Bể tách dầu mỡ - T-102.A/B/C

Nước thải từ hồ thu gom được bơm vào bể tách dầu mỡ. Trong quá trình sinh hoạt phát sinh lượng dầu mỡ nhất định. Do đó bể tách dầu mỡ có nhiệm vụ loại bỏ lượng dầu thừa ra khỏi nước thải, tránh ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của các thiết bị và hiệu quả xử lý của công trình xử lý phía sau.

Nước sau khi qua bể tách dầu mỡ được thiết kế với 3 ngăn nhằm loại bỏ triệt để lượng dầu thừa sẽ được dẫn tiếp vào bể điều hòa.

*** Bể điều hòa – T-103**

Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải. Do lưu lượng và tính chất của nước thải thay đổi theo thời gian sinh hoạt của cư dân tòa nhà và việc xả thải trong quá trình sinh hoạt trong ngày là không đồng đều, việc điều hòa nước thải là cần thiết. Điều này tránh gây sốc tải đối với vi sinh vật (thậm chí có thể gây tình trạng vi sinh chết hàng loạt) trong các bể sinh học cũng như giảm bớt các sự cố về vận hành hệ thống.

Bên cạnh đó, việc ổn định lưu lượng, nồng độ, nhiệt độ nước thải trước khi vào các thiết bị xử lý còn giúp đơn giản hóa công nghệ, tăng hiệu quả xử lý và giảm kích thước các công trình đơn vị một cách đáng kể. Ngoài ra, quá trình khuấy trộn chìm trong bể điều hòa giúp khử Clo trong nước phát sinh từ quá trình tẩy rửa và hạn chế việc lắng cặn dưới đáy bể, ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống.

Từ bể điều hòa, nước thải được bơm vào cụm xử lý sinh học.

*** Bể sinh học thiếu khí Anoxic – T-201**

Nước thải từ bể điều hòa sẽ được bơm vào bể sinh học thiếu khí Anoxic để tiếp tục thực hiện quá trình xử lý sinh học. Trong bể này, các motor khuấy trộn nước thải được lắp đặt nhằm tạo môi trường thiếu khí cho vi sinh hoạt động thuận lợi. Ngoài ra châm cơ chất với định lượng $10\text{g}/\text{m}^3$ nước thải (tương đương 1kg cơ chất/ngày) để cân bằng tỷ lệ COD và Nitơ trong nước thải.

Quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong điều kiện thiếu khí do một quần thể vi sinh vật hoạt động không cần rất ít sự có mặt của ôxi không khí, sản phẩm cuối cùng là một hỗn hợp khí có CO_2 , N_2 , H_2 , ...

Từ bể sinh học thiếu khí, nước thải được dẫn vào bể sinh học hiếu khí.

*** Bể sinh học hiếu khí MBBR và sinh học hiếu khí Aerotank – T-202; T-203**

Bể MBBR được vận hành giống như bể bùn hoạt tính hiếu khí. Công nghệ này sử dụng màng sinh học (biofilm) với sinh khối dính bám có thể di chuyển tự do và được giữ bên trong bể nhờ hệ thống phân phối khí. Các giá thể (Biochip) được thêm vào bể MBBR này. Với diện tích bề mặt lớn, vật liệu biochip sẽ tạo ra môi trường dính bám của vi sinh vật, tăng khả năng tiếp xúc của vi sinh vật với các chất gây ô nhiễm, giúp duy trì độ sinh khối cao trong bể phản ứng, tăng hiệu quả xử lý sinh học.

Ngoài nhiệm vụ xử lý các hợp chất hữu cơ trong nước thải, thì trong bể MBBR còn xảy ra quá trình Nitrat hóa và Denitrate, giúp loại bỏ các hợp chất

Nito, photpho trong nước thải. Vi sinh vật bám trên bề mặt vật liệu lọc gồm 3 loại: lớp ngoài cùng là vi sinh vật hiếu khí, tiếp là lớp vi sinh vật thiếu khí, lớp trong cùng là vi sinh vật kỵ khí. Vi sinh vật hiếu khí sẽ chuyển hóa hợp chất nito về dạng nitrite, nitrate. Tiếp tục vi sinh vật thiếu khí và kỵ khí sẽ sử dụng các hợp chất hữu cơ trong nước thải làm chất oxy hóa để khử nitrate, nitrite về dạng khí N_2 bay lên.

Không khí từ các máy thổi khí được cấp vào đáy bể qua hệ thống ống phân phối khí nhằm đảm bảo nồng độ oxy hoà tan trong bể, duy trì ở mức tối ưu cho quá trình sinh trưởng, phát triển của VSV ($3\text{mg/l} > \text{DO} > 2\text{mg/l}$).

Sau khi nước thải đi qua bể sinh học MBBR sẽ được dẫn tiếp vào bể sinh học Aerotank. Tại đây quá trình sục khí liên tục được diễn ra, đồng thời lắp đặt bơm nội tuần hoàn về bể sinh học thiếu khí anoxic nhằm giúp xử lý triệt để lượng tổng Nitơ có trong nước thải.

Xử lý sinh học hiếu khí là bước quan trọng nhất trong hệ thống xử lý. Tại đây sẽ diễn ra quá trình xử lý các chất ô nhiễm như: COD, BOD, TSS, tổng Nitơcó trong nước thải.

Nước thải từ bể sinh học hiếu khí sẽ được dẫn vào bể lắng sinh học, tại đây quá trình tách pha rắn và lỏng được diễn ra.

*** Bể lắng sinh học – T-204**

Nước sau bể sinh học hiếu khí có lẫn bùn hoạt tính được dẫn sang ống phân phối trung tâm của bể lắng sinh học. Tại đây bùn hoạt tính và nước được phân ly nhờ quá trình lắng trọng lực. Bùn lắng xuống đáy bể, được hệ thống gạt bùn thu gom về hố thu trung tâm và được bơm tuần hoàn 1 phần về bể sinh học thiếu khí anoxic để bổ sung lượng vi sinh vật thiếu hụt. Bùn dư được bơm về bể chứa bùn sinh học theo định kì.

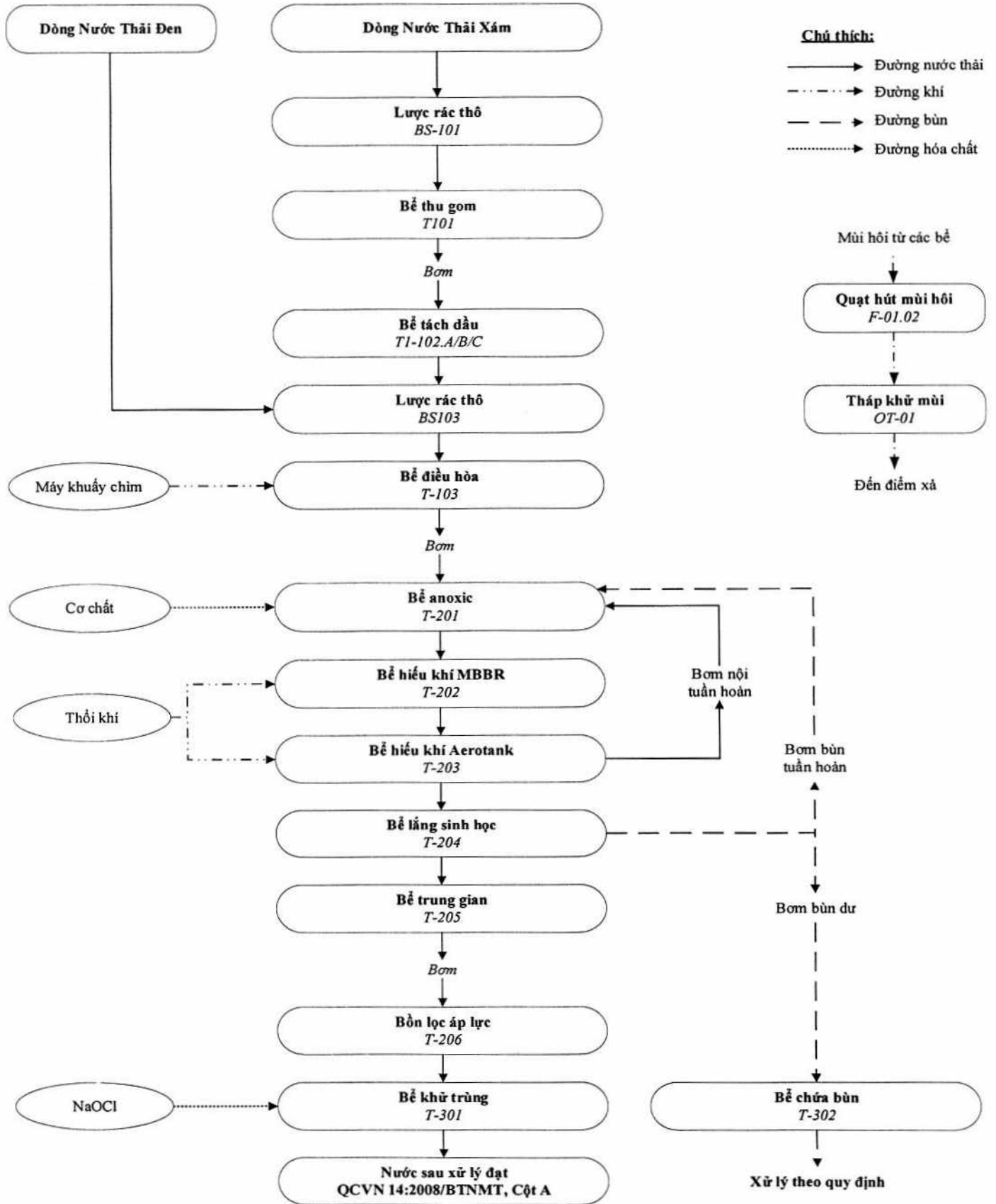
Phần nước trong phía trên của bể lắng được thu gom qua hệ thống máng răng cưa và được dẫn vào bể trung gian.

*** Bể khử trùng – T-301**

Nước thải từ bồn lọc áp lực sẽ được dẫn vào bể khử trùng. Tại đây, nước được khử trùng bằng NaOCl (với nồng độ 10ml/m^3 nước thải, tương đương 1lit NaOCl /ngày) nhằm tiêu diệt hết những vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải, khử màu và đạt yêu cầu xả thải về Coliform, đảm bảo nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường tiếp nhận. Nước thải đã đạt yêu cầu xả thải theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A.

*** Bể chứa bùn – T-302**

Bùn từ bể lắng sinh học, bùn cặn từ bể tách dầu mỡ và lượng cặn bản bong tróc từ bồn lọc áp lực định kỳ sẽ được bơm vào bể chứa bùn. Bùn từ bể chứa định kỳ sẽ được hút đi xử lý theo quy định. Phần nước trong phía trên sẽ được máng răng cưa thu gom và dẫn về bể điều hòa để xử lý.



Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung của dự án

- Công suất thiết kế: $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Hóa chất, vật liệu sử dụng:
 - + Cơ chất: định lượng $10\text{g}/\text{m}^3$ nước thải (tương đương 1kg cơ chất/ngày).

+ NaOCl: định lượng $10\text{ml}/\text{m}^3$ nước thải (tương đương 1lit NaOCl/ngày).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Hệ thống xử lý được thiết kế đảm bảo các yêu cầu an toàn về kỹ thuật.
 - + Hệ thống điện được lắp đặt và vận hành theo đúng các tiêu chuẩn quy định của ngành.
 - + Trang bị máy móc, thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải: bơm hóa chất, bơm bùn, bơm nước thải...
 - + Các bể công trình xử lý nước thải đều có nắp bê tông đầy kín hạn chế mùi hôi có khả năng phát sinh.
 - + Công suất thiết kế cho hệ thống xử lý nước thải có tính đến hệ số không điều hòa $K_{ng} = 1,3$ để đề phòng việc quá tải cho hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Có bản hướng dẫn về quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải an toàn tại khu vực trạm xử lý nước thải.

- Hệ thống xử lý được vận hành tuân thủ theo đúng quy trình và kỹ thuật.
- Việc quản lý và vận hành trạm xử lý nước thải sẽ do một bộ phận chuyên trách đã qua đào tạo và huấn luyện.

- Trang bị một số thiết bị test nhanh các thông số cơ bản như pH, DO, chỉ số thể tích bùn SVI cần thiết để phục vụ việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thiết kế bể sự cố của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo lưu chứa từ 3 ngày - 5 ngày.

- Thực hiện kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ 1 tháng/lần và bảo dưỡng toàn hệ thống định kỳ 1 năm/lần.

- Thực hiện việc giám sát, lấy mẫu nước thải đầu ra để đánh giá hiệu quả xử lý, chất lượng nước thải đầu ra với tần suất 3 tháng/lần.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 15/01/2025 đến ngày 15/4/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Vị trí xả nước thải tại cống xả nước thải ra hồ Hạ (sau đập tràn).

- Tọa độ vị trí lấy mẫu nước thải: X = 411441, Y=1327741 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 180°30', múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

* Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm được lấy theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này, cụ thể:

- Chất ô nhiễm: pH, BOD₅, TSS, TDS, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, S²⁻, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Colifroms.

- Giá trị giới hạn: theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Theo đó tần suất, thời gian lấy mẫu cụ thể như sau:

| STT | Vị trí | Tần suất | Thời gian lấy mẫu | Thời gian đo đạc, phân tích | Chỉ tiêu quan trắc |
|-----|--|--------------------|-------------------------|------------------------------------|--|
| 1 | Quan trắc đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (lấy và phân tích mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp) | | | | |
| | Vị trí xả nước thải tại công xả nước thải ra hồ Hạ (sau đập tràn) | 3 lần (1 ngày/lần) | - Lần 1: ngày 01/4/2025 | Ngày 02/4/2025 – ngày 14/4/2025 | pH, BOD ₅ , TSS, TDS, NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , S ²⁻ , Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Colifroms |
| | | | - Lần 2: ngày 02/4/2025 | Ngày 03/4/2025 – ngày 15/4/2025 | |
| | | | - Lần 3: ngày 03/4/2025 | Ngày 04/4/2025 – ngày 16/4/2025 | |

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Trong giai đoạn hiện tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố Gia Nghĩa chưa được đầu tư hoàn thiện, do đó trong quá trình thi công xây dựng hệ thống bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt của Khu vực III, IV chủ dự án phải bố trí lắp đặt một đường ống thoát nước chờ sau bể tự hoại để đấu nối khi hạ tầng thu gom và xử lý nước thải của thành phố được hoàn thiện.

Đối với nước thải của khu vực I, II xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày.đêm sẽ thực hiện đấu nối với hệ thống xử lý nước

thải tập trung của thành phố khi hạ tầng thu gom và xử lý nước thải của thành phố Gia Nghĩa được hoàn thiện.

Thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành./.



Phụ lục 2:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải từ hoạt động đi lại của các phương tiện giao thông của người dân tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí trong khu vực dự án.
- Khí thải từ các nguồn khác (thùng chứa rác trong khu vực dự án, máy điều hòa,...).
- Khí thải từ hoạt động đun nấu trong Trung tâm thương mại (sử dụng LPG).
- Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Đối với các nguồn khí thải phát sinh trong khu vực dự án khi đi vào hoạt động như trên thì chỉ có khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu vực bếp nấu ăn của Trung tâm thương mại là có vị trí phát thải cụ thể (nguồn, điểm).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Khu vực bếp nấu ăn của Trung tâm thương mại; khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Tọa độ vị trí khí thải: X = 411505, Y=1327712 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 180030', múi chiều 30).

2.2. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải gián đoạn vào những thời điểm bếp có hoạt động đun nấu.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép (Theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột A)) | Tần suất quan trắc định kỳ |
|-----|-----------------|--------------------|---|-------------------------------|
| 1 | Bụi | mg/Nm ³ | 400 | 6 tháng/lần |
| 2 | SO ₂ | mg/Nm ³ | 1500 | |
| 3 | NO _x | mg/Nm ³ | 1000 | |
| 4 | CO | mg/Nm ³ | 1000 | |
| 5 | VOC | mg/Nm ³ | - | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Mùi, khí thải phát sinh cục bộ từ khu vực bếp nấu ăn của Trung tâm thương mại sẽ được thu gom, xử lý cục bộ bằng quạt hút khử mùi than hoạt tính ở tại khu vực bếp nấu.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Đối với mùi, khí thải phát sinh cục bộ từ khu vực nấu nướng trong Trung tâm thương mại thì dự án sẽ bố trí lắp đặt hệ thống quạt hút khử mùi than hoạt tính ở những khu vực có bếp nấu.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Bố trí diện tích đất cây xanh công viên, cây xanh cảnh quan theo đúng quy hoạch chi tiết 1/500 và thiết kế của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các tuyến đường nội bộ trong khu vực dự án sẽ được xây dựng bê tông nhựa, lát đá đảm bảo đồng bộ theo cơ sở hạ tầng giao thông của thành phố Gia Nghĩa.

- Thường xuyên duy tu sửa chữa hệ thống xử lý nước thải (hệ thống kín), nắp đặt các quạt hút mùi để giảm thiểu ô nhiễm không khí.

- Đối với nhà vệ sinh công cộng phải có hệ thống thông gió làm mát, sử dụng các chất sát trùng và tẩy rửa để luôn duy trì điều kiện vi khí hậu trong lành và mát mẻ./.

Phụ lục 3:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn ô nhiễm tiếng ồn, độ rung của Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa khi đi vào hoạt động chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông; các hoạt động sinh hoạt văn hóa, tổ chức biểu diễn các sự kiện và vui chơi giải trí, hoạt động thể thao trong khu vực dự án...

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung là tại các tuyến đường giao thông trong khu vực dự án; khu vực quảng trường trung tâm; khu vực trong Trung tâm thương mại; khu vực vui chơi giải trí và khu vực sân khấu, thể thao ngoài trời.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

| STT | Từ 6-21 giờ (dBA) | Từ 21-6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------|----------------------------|----------------------|
| 1 | 70 | 55 | 6 tháng/lần | Khu vực thông thường |

3.2. Độ rung:

| STT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|-----|---|-------------|----------------------------|----------------------|
| | Từ 6-21 giờ | Từ 21-6 giờ | | |
| 1 | 70 | 60 | 6 tháng/lần | Khu vực thông thường |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trồng cây xanh dọc theo các tuyến đường giao thông, bố trí diện tích đất cây xanh công viên, cây xanh cảnh quan theo đúng quy hoạch chi tiết 1/500 và

thiết kế của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lắp đặt biển báo hạn chế tốc độ xe khi hoạt động trong khu vực dự án và khu vực dân cư, các tuyến đường trục chính xung quanh khu vực dự án.

- Cấm các loại xe có tải trọng lớn lưu thông qua khu vực dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác. (không)./.

Phụ lục 4:**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND**ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI****1. Chung loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh**

- Chung loại: bóng đèn huỳnh quang thải, mực in, bình đựng hóa chất tẩy rửa...phát sinh trong khu vực Trung tâm thương mại và khu vui chơi dịch vụ
- Khối lượng: 1,26 kg/ngày, tương đương 37,8 kg/tháng, tương đương 460 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại****2.1.1. Thiết bị lưu chứa**

Chất thải nguy hại phát sinh hàng ngày được lưu chứa trong các thùng phuy nhựa 200 lít có dán nhãn, chuyển về kho lưu trữ chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho chứa chất thải nguy hại của dự án được bố trí xây dựng trong khu vực tầng 1 của Trung tâm thương mại với diện tích 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho xây gạch, sàn bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường

Thiết bị lưu chứa: Dự án bố trí các thùng thu gom rác dọc theo các vỉa hè (khoảng cách từ 30m - 50m), thùng nhựa có nắp đậy loại 50lít - 200 lít; và các thùng thu gom rác loại thùng nhựa có nắp đậy loại 50 lit - 100 lít cho các khu vực văn phòng, dịch vụ ăn uống đặt tại khu vực Trung tâm thương mại.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**1. Đối với sự cố cháy nổ yêu cầu**

- Thiết kế, sử dụng các thiết bị điện đúng tiêu chuẩn.
- Các cơ sở kinh doanh dịch vụ trong khu vực Trung tâm thương mại có tính chất dễ gây cháy nổ phải có chứng nhận phòng cháy chữa cháy.
- Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy trong khu vực dự án theo đúng thiết kế đã được phê duyệt và Văn bản ý kiến về phương án Phòng cháy chữa cháy của Phòng PC07 - Công an tỉnh./.

Phụ lục 5:
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai.
 2. Thiết kế chi tiết các hạng mục công trình xử lý môi trường, xây dựng công trình xử lý nước thải theo quy định của pháp luật về xây dựng (có biên bản bàn giao nghiệm thu giữa chủ đầu tư, nhà thầu thi công, giám sát thi công công trình xử lý chất thải) và có quy trình vận hành bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chủ dự án đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải.
 3. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải.
 4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại, mùi hôi ra môi trường xung quanh; hệ thống xử lý nước thải phải có hệ thống thu gom nước mưa để tránh nước mưa chảy tràn vào các hồ xử lý nước thải gây ra sự cố môi trường.
 5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.
 6. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.
 7. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.
-